

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thỏa;

2. Bà Mua Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Nùng Xuân Dĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST- HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hầu Thị G; sinh năm: 1994; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Mông; địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lù Mí M; sinh năm: 1991; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Mông; địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

3. *Người đại diện hợp pháp cho bị đơn:* Ông Lù Sía S, sinh năm 1964, bà Ly Thị D, sinh năm 1967 cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người phiên dịch tiếng Mông:* Bà Ly Thị P; địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2020, bản tự khai đề ngày 25/11/2020, bản tự khai bổ sung ngày 06/7/2021 và các tài liệu chứng cứ thu thập được, nguyên đơn chị Hầu Thị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lù Mí M, sinh năm 1991, cư trú tại thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang, chúng tôi kết hôn với nhau vào ngày 26/8/2014 tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do anh M thường xuyên say rượu đánh đập tôi và các con, có lần anh M đánh con chung là cháu L đến mức phải nhập viện cấp cứu, lúc đó Công an huyện đã vào cuộc để điều tra phát hiện anh M bị tâm thần nên đình chỉ không khởi tố vụ án nữa, bản thân tôi suốt ngày sống trong lo sợ vì anh M bị bệnh như vậy sẽ không làm chủ được hành vi của mình, như vậy tôi sẽ bị nguy hiểm đến tính mạng, do vậy tôi đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Yên Minh để giải quyết việc hôn nhân giữa tôi và anh M. Quá trình giải quyết vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích cho anh M tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Minh giải quyết việc dân sự tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự đối với anh Lù Mí M để sau đó đưa bố mẹ anh M vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho anh M. Hiện tại anh M đang bị đưa đi điều trị bệnh tại Trung tâm điều trị bệnh tâm thần khu vực miền núi phía bắc thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ. Ngày 18/6/2021 anh M bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự do vậy đời sống hôn nhân của chúng tôi không có hạnh phúc, không thể kéo dài thêm được nữa, chính vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Lù Mí S, sinh ngày 03/02/2009, Lù Mí L, sinh ngày 03/11/2011. Khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lù Mí S, sinh ngày 03/02/2009 đề nghị anh M nuôi Lù Mí L, sinh ngày 03/11/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chúng tôi không có công nợ chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/7/2021 người đại diện cho bị đơn bà Ly Thị D và ông Lù Sía S cùng trình bày:

Ông S và bà D là bố, mẹ của Lù Mí M việc ông, bà được Tòa án nhân dân huyện Yên Minh đưa vào tham gia giải quyết với tư cách là người đại diện theo pháp luật, ông S bà D không có ý kiến gì. Đối với quan hệ hôn nhân của chị G và anh M ông S, bà D cho biết chị G và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, mâu thuẫn giữa anh chị là do anh M uống rượu nhiều dẫn đến thần kinh không ổn định bị chứng rối loạn tâm thần hiện phải điều trị tại Trung tâm điều trị bệnh tâm thần khu vực miền núi phía bắc thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đối với Yêu cầu xin ly hôn của chị G ông S, bà D không nhất trí vì sợ con trai bà là anh M sau khi chữa bệnh về sẽ trách ông S, bà D. Quá trình chung sống anh M có đánh đập vợ và con trai có lần đánh con trai phải đi bệnh viện cấp cứu. chị Giàng và anh Mua có 02 con chung là Lù Mí S, sinh ngày 03/02/2009, Lù Mí L, sinh ngày 03/11/2011, nếu chị G và anh M ly hôn ông, bà đề nghị chị G nuôi cả 02 cháu vì ông S, bà D đều đã già yếu kinh tế khó khăn không đủ điều kiện

chăm sóc 02 cháu ăn học. Mặt khác khi anh Mua đi chữa bệnh về thì việc chăm sóc các cháu sẽ gặp khó khăn và gây nguy hiểm cho các cháu. Anh M không cấp dưỡng nuôi con vì anh không có việc làm ổn định, không có thu nhập và đang là đối tượng được Nhà nước trợ cấp. Về tài sản và công nợ chị G và anh M không có nên không yêu cầu giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản ghi ý kiến nguyên vọng con chung ngày 06/01/2021, cháu Lù Mí S, và cháu Lù Mí L đều trình bày: Trường hợp bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với bố Lù Mí M.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; phiên hòa giải có mặt chị Hầu Thị G và người đại diện cho bị đơn là ông Lù Sía S, sinh năm 1964, bà Ly Thị D, sinh năm 1967, vắng mặt bị đơn anh Lù Mí M. Về phía chị G xác định, chị không còn tình cảm với anh M nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh M; về con chung chị G thay đổi yêu cầu, xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Lù Mí S, sinh ngày 03/02/2009, Lù Mí L, sinh ngày 03/11/2011 anh M không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Người đại diện cho bị đơn là ông Lù Sía S, bà Ly Thị D trình bày ông bà không nhất trí về việc ly hôn của anh M và chị G. Về con chung ông bà nhất trí để chị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Lù Mí S, sinh ngày 03/02/2009, Lù Mí L, sinh ngày 03/11/2011. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2021 tại thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang, xác minh đối với ông Giàng Dững L trưởng thôn L đã xác minh được. Chị Hầu Thị G sinh năm 1991 và anh Lù Mí M, sinh năm 1991, đăng ký kết hôn vào ngày 26/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống có với nhau 02 con chung là cháu Lù Mí Say, sinh ngày 03/02/2009 và Lù Mí Lệnh, sinh ngày 03/11/2011, anh chị chung sống với nhau không thấy có mâu thuẫn gì vì không báo với chính quyền nên ông không nắm được. Ông L có nghe nói anh M có biểu hiện tâm thần và bị đưa đi chữa bệnh tuy nhiên ông không nắm rõ vì không được các cơ quan chức năng thông báo. Khoảng năm 2019 ông nghe nói anh M có hành vi đánh con nên bị cơ quan chức năng đưa đi giám định tâm thần. Ông L còn cho biết thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn khoảng 1.500.000đ/người/tháng, anh Mua và chị Giàng đều ở nhà công việc chính là trồng trọt và chăn nuôi ngoài ra không có thu nhập nào khác.

Tại phiên tòa chị Hầu Thị Giàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Lù Mí Mua; về con chung chị đề nghị nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Lù Mí S, Lù Mí L, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản công nợ chung chị G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa người đại diện cho bị đơn là bà Ly Thị D, ông Lù Sía S vắng mặt, tuy nhiên ông S bà D có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm của mình trong quá trình giải quyết vụ án; về việc xin ly hôn của chị Hầu Thị G với anh Lù Mí M bà D, ông S không nhất trí; về con chung bà D, ông S nhất trí để chị G nuôi hai cháu Ly Mí S,

Ly Mí L và nhất trí việc anh M không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản công nợ chung của chị G và anh M, bà D, ông S xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh tham gia phiên toà có quan điểm:

1. Việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn người đại diện cho bị đơn chấp hành đầy đủ pháp luật Tổ tụng dân sự đã quy định.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân: Tuyên xử Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hầu Thị Gg, cho chị Hầu Thị G được ly hôn anh Lù Mí M; về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao 02 con chung của chị Hầu Thị G và anh Lù Mí M là cháu Lù Mí S, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Lù Mí L, sinh ngày 03/11/2011 cho chị Hầu Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của chị Gg. Ghi nhận sự tự nguyện của Hầu Thị G về việc không yêu cầu anh Lù Mí M cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; về án phí: đề nghị miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hầu Thị G theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến, kết quả tranh luận tại phiên toà của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh.

[1] Về Việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, người đại diện cho bị đơn chấp hành đầy đủ pháp luật Tổ tụng dân sự đã quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, bị đơn anh Lù Mí M cư trú tại thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

[3] Việc những người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Ly Thị D, ông Lù Sía S vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, tuy nhiên họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt và quan điểm về việc giải quyết vụ án do vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[4] Về quan hệ pháp luật: Chị Hầu Thị G và anh Lù Mí M chung sống với nhau từ năm 2005 và có với nhau 02 con chung, sau đó mới tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu say không làm chủ được hành vi đánh đập vợ, con khiến chị G bỏ nhà về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay cả hai không còn chung sống hay quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ đã xác định được anh M bị mắc bệnh tâm thần và hiện đang được điều trị tại Trung tâm điều trị bệnh tâm thần khu vực miền núi phía bắc thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, do vậy nguyên đơn chị Hầu Thị G đã yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để yêu cầu giải quyết việc dân sự “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”, ngày 18/6/2021 anh Lù Mí M bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự do vậy mục đích hôn nhân giữa chị G và anh M không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài vì vậy chị G làm đơn xin được ly hôn với anh Lù Mí M là có căn cứ cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Việc chỉ định người đại diện cho bị đơn tham gia tố tụng: Do anh Lù Mí M bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, do vậy Tòa án đã ra Quyết định chỉ định người đại diện cho anh M là bà Ly Thị D, ông Lù Sía S (bố mẹ đẻ của anh M) tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh M theo quy định tại Điều 22 của Bộ luật dân sự và Điều 85, Điều 87, Điều 88 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Đối với quan điểm của người đại diện cho bị đơn là bà D và ông S về việc không nhất trí với yêu cầu xin hôn của chị G với anh M với lý do lo sợ sau khi anh M đi chữa bệnh về sẽ trách móc ông S, bà D là không có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Chị Hầu Thị G và anh Lù Mí M có 02 con chung là cháu Lù Mí S, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Lù Mí L, sinh ngày 03/11/2011. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và những người đại diện hợp pháp cho bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về con chung, do vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận này giữa các đương sự giao các cháu Lù Mí S, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Lù Mí L, sinh ngày 03/11/2011 cho chị Hầu Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Hầu Thị G là dân tộc thiểu số sinh sống ở thôn L, xã L là nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị G đã có đơn xin miễn án phí do vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hầu Thị G.

[10] Do vậy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 87, Điều 88, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 22 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hầu Thị G, cho chị Hầu Thị G được ly hôn anh Lù Mí M.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn chị Hầu Thị G và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Ly Thị D, ông Lù Sía S về con chung của chị G và anh M, giao các cháu Lù Mí S, sinh ngày 03/02/2009, Lù Mí L, sinh ngày 03/11/2011 cho chị Hầu Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi các cháu S, L đủ 18 tuổi, anh Lù Mí M không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hầu Thị G.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc ngày niêm yết Bản án.

5. Về thi hành án dân sự: *Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- UBND xã Lao Và Chải, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Đạng